

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HC-ST

Ngày 22/9/2020

V/v khiếu kiện hành vi hành chính  
về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hoàng Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hồ Hoàng Diệu

Bà Lâm Nhật Phụng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Chúc là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Đồng Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 68/2019/TLST-HC ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc khiếu kiện hành vi hành chính về bồi thường đất, hỗ trợ, tái định cư theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXXST-HC ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Ông **Nguyễn Hữu P**, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Xuân Đ (văn bản ủy quyền ngày 23/01/2019) (có mặt)

Địa chỉ: đường Đ, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Ánh D, Văn phòng luật sư T, đoàn luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt).

**- Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân quận B, thành phố Cần Thơ (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu dân cư N, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B: Ông Trương Tấn T (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai người khởi kiện trình bày:*

Ngày 04/9/2018 ông P có gửi đơn khiếu nại qua đường bưu điện về các nội dung: yêu cầu áp giá bồi thường đất thuộc vị trí 3; yêu cầu bồi thường phần diện tích bị sử dụng làm kinh thủy lợi hiện hữu và phần đất 407,8m<sup>2</sup> trồng cây lâu năm tiếp giáp với đường dal cặp Rạch S khu vực B; yêu cầu bố trí diện tích tái định cư tương đương với diện tích đất ở 247m<sup>2</sup> bị thu hồi do bị ảnh hưởng công trình đường nội C (Quốc lộ B) đến tỉnh lộ X trên địa bàn phường Long Hòa, quận B, thành phố Cần Thơ nhưng đến nay chưa được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết khiếu nại. Do đó, ông P khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết.

Trong quá trình đối thoại thì hai bên đã thỏa thuận được: đồng ý thực hiện Quyết định 2690/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 của Ủy ban nhân dân quận B về việc thu hồi đất; đồng ý thực hiện Quyết định số 2688/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 của Ủy ban nhân dân quận B về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ; đồng ý thực hiện Thông báo số 2996/TB.TTPTQĐ ngày 24/8/2018 của Trung tâm phát triển quỹ đất về việc thông báo nhận tiền bồi thường; đồng ý thực hiện Công văn số 3570/TTPTQĐ-KTKĐ ngày 15/10/2018 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Cần Thơ về việc trả lời khiếu nại của ông P.

Còn hai vấn đề chưa thống nhất nên ông P tiếp tục khởi kiện là:

1. Về phần diện tích đất lấy làm kinh thủy lợi vào năm 1996, không có quyết định thu hồi, cũng không có dự án nào thực hiện, có diện tích đo đạc thực tế khoảng 1.900m<sup>2</sup>, Ủy ban không bồi thường là không đúng quy định của pháp luật, thiết thời đến gia đình ông P.

2. Trong việc thu hồi đất, ông P có 247,2m<sup>2</sup> đất thổ cư, gia đình có 6 anh chị em ở chung nhà, không có gia đình và có một người bị bệnh tâm thần nên đề nghị xét cho ông P được mua có hỗ trợ 01 nền nhà diện tích trên 100m<sup>2</sup>, nếu dưới 100m<sup>2</sup> thì giải quyết 02 nền.

Vì vậy, ông P khởi kiện hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân quận B yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân quận B phải ban hành quyết định bồi thường cho ông P 1.900m<sup>2</sup> đất lấy làm kinh thủy lợi theo giá tại vị trí 3. Buộc Ủy ban giải quyết cho ông P được mua có hỗ trợ 01 nền nhà có diện tích trên 100m<sup>2</sup>, nếu dưới 100m<sup>2</sup> thì giải quyết cho 02 nền.

*- Người bị kiện có văn bản trình bày ý kiến:*

Ông Nguyễn Hữu P sử dụng đất có tổng diện tích 9.761,2m<sup>2</sup> (loại đất 247m<sup>2</sup> ODT + 2.918,4m<sup>2</sup> CLN + 3.823,4m<sup>2</sup> LUA), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H002597 do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 23/10/2006, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H002599 do Ủy ban nhân dân quận B cấp

ngày 23/10/2006. Trong đó, tổng diện tích đất bị ảnh hưởng công trình là 7.396,6m<sup>2</sup> (loại đất 247m<sup>2</sup> ODT + 3326,2m<sup>2</sup> LN + 3.823,40 m<sup>2</sup> LUA) theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn xây dựng đo đạc bản đồ Tân Cường lập.

Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành Quyết định số 2688/QĐ-UBND ngày 21/8/2018, Quyết định số 3097/QĐ-UBND ngày 30/11/2018, Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 26/4/2019, Quyết định số 3895/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông P với số tiền là 9.0008.973.600 đồng. Hiện tại ông P đã nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng vào ngày 06/5/2019.

Về yêu cầu bồi thường đề thủy lợi thu hồi còn thiếu diện tích khoảng 1.900m<sup>2</sup>: căn cứ bản đồ địa chính năm 1986, 1996, 2018 thể hiện phần diện tích Phần yêu cầu bồi thường là kinh thủy lợi và đường đi; đến năm 2006 ông P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng thể hiện là đường đi, kinh thủy lợi; thực tế phần đất này đã sử dụng đường đi vào mục đích công cộng phục vụ việc đi lại của người dân trong khu vực, kinh thủy lợi được sử dụng vào mục đích tưới tiêu của người dân. Căn cứ khoản 1 Điều 75 Luật đất đai năm 2013, phần diện tích đất kinh mương thủy lợi ông P yêu cầu không đủ điều kiện bồi thường.

Về chính sách tái định cư: phần diện tích ở đô thị bị ảnh hưởng bởi công trình là 247m<sup>2</sup>, không có nhà trên đất, không di chuyển chỗ ở nên đủ điều kiện xét mua 01 nền tái định cư với diện tích 60m<sup>2</sup> tại khu đô thị tái định cư C và được phê duyệt tại Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 của Ủy ban nhân dân quận B. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 19 Quyết định số 15/2014/NĐ-CP ngày 13/11/2014 (bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 11/7/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ yêu cầu được bán hỗ trợ nền nhà có diện tích trên 100m<sup>2</sup>, nếu dưới thì phải giải quyết 02 nền là không có cơ sở xem xét.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày căn cứ bản đồ địa chính năm 1986 và bằng khoán điền thổ thể hiện phần đất kinh thủy lợi diện tích khoảng 1.900m<sup>2</sup> là thuộc quyền sử dụng đất của ông P nhưng đã bị cắt trừ trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: Việc yêu cầu bồi thường phần diện tích 1.900m<sup>2</sup> và yêu cầu được giải quyết mua có hỗ trợ 01 nền diện tích 100m<sup>2</sup>, dưới 100m<sup>2</sup> phải giải quyết 02 nền là không có cơ sở.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung vụ án: phần đất 1.900m<sup>2</sup> ông P yêu cầu bồi thường bổ sung là phần ngoài giấy, hiện tại làm kinh thủy lợi không đủ điều kiện bồi thường, về chính sách tái định cư được xét mua có mua

có hỗ trợ 01 nền diện tích 60m<sup>2</sup> là đúng quy định của pháp luật, việc yêu cầu được giải quyết 01 nền 100m<sup>2</sup>, dưới 100m<sup>2</sup> là không có cơ sở xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm, căn cứ kết quả tranh tụng, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện; quan điểm của Kiểm sát viên, nhận thấy:

[1] Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành Quyết định số 2688/QĐ-UBND ngày 21/8/2018, Quyết định số 3097/QĐ-UBND ngày 30/11/2018, Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 26/4/2019, Quyết định số 3895/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông P với số tiền là 9.0008.973.600 đồng. Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định 2689/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 phê duyệt chính sách tái định cư cho ông P được mua đất ở mới tại khu tái định cư tập trung với diện tích 60m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, ông P cho rằng Ủy ban nhân dân quận B bồi thường còn thiếu diện tích và bố trí diện tích tái định cư chưa phù hợp. Do đó, ông P khởi kiện yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân quận B phải ban hành quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường bổ sung đối với phần đất 1.900m<sup>2</sup>, bố trí diện tích tái định cư phải là 100m<sup>2</sup>, nếu dưới 100m<sup>2</sup> thì bố trí hai nền. Xét thấy, đây là khiếu kiện hành vi hành chính về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, chính sách tái định cư thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính.

Người bị kiện có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 158 Luật tổ tụng hành chính Tòa án xét xử vắng mặt người bị kiện.

#### *[2] Về thời hiệu khởi kiện:*

Ngày 04/9/2018, ông P có gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về việc yêu cầu bồi thường bổ sung phần đất bị sử dụng làm kinh thủy lợi, yêu cầu bố trí tái định cư tương đương với diện tích đất ở 247m<sup>2</sup> bị thu hồi nhưng vẫn chưa nhận được văn bản trả lời. Ngày 08/01/2019, ông P khởi kiện tại Tòa án đối với các yêu cầu trên là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 116 Luật tổ tụng hành năm 2015.

*[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông P, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

*[3.1] Về yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân quận B ban hành quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường bổ sung đối với phần đất làm kinh thủy lợi khoảng 1.900m<sup>2</sup>:* Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện năm 1996, ông P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02361 ngày 14/3/1996 với tổng diện tích 10.027m<sup>2</sup>. Ngày 23/10/2006, ông P được cấp đổi lại thành các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H002599, H002598, H002597 với tổng diện tích 9.761,2m<sup>2</sup>. Năm 2008 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H005313 ngày 25/4/2008 diện tích 4.319,2m<sup>2</sup>. Đối chiếu với bản đồ địa chính,

sổ mục kê ruộng đất năm 1996 và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P từ năm 1996, 2006, 2008 đều thể hiện đất của ông P tiếp giáp kinh thủy lợi. Xét thấy, theo biên bản kiểm kê đo đạc và ông P cũng thừa nhận phần đất 1.900m<sup>2</sup> yêu cầu bồi thường không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện trạng là kinh thủy lợi và đường đi. Ông P trình bày có khiếu nại về diện tích được cấp theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không có chứng cứ chứng minh. Do đó, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2013 phần đất kinh thủy lợi này không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không đủ điều kiện được bồi thường theo khoản 1 Điều 75 Luật đất đai năm 2013.

Đối với việc ông P viện dẫn theo lược đồ địa chính năm 1986 thể hiện phần đất của ông P không có giáp kinh thủy lợi nên cho rằng phần đất kinh thủy lợi này nằm trong quyền sử dụng đất của ông P, phải được xem xét bồi thường: Xét thấy lời trình bày này không phù hợp. Bởi lẽ theo sổ mục kê ruộng đất năm 1985 ông P trình bày đăng ký sử dụng phần đất tại các thửa 100, 101, 102, 103, 121 thì diện tích đất của ông P cũng chỉ 9.510m<sup>2</sup>. Đến năm 1996 ông P được cấp giấy với diện tích là 10.027m<sup>2</sup>. Điều này cho thấy, dù lược đồ năm 1996 có thể hiện kinh thủy lợi nhưng không thiếu diện tích đất mà ông P đã đăng ký trong sổ mục kê năm 1985. Về bằng khoán điền thổ năm 1940 chỉ có ý nghĩa chứng minh nguồn gốc đất vì theo bằng khoán này chưa xác định ông P là chủ sử dụng đất. Hơn nữa, ông P cho rằng bản đồ địa chính năm 1986 không thể hiện kinh thủy lợi, khi được cấp giấy năm 1996, năm 2006, 2008 thể hiện có giáp kinh thủy lợi nhưng ông P lại không có khiếu nại gì về việc cấp giấy này. Mặt khác, bản đồ địa chính là bản đồ thể hiện thửa đất và các yếu tố địa lý có liên quan. Trong quá trình quản lý sử dụng nếu có sự thay đổi thì cơ quan nhà nước có quyền chỉnh lý bản đồ địa chính cho phù hợp với hiện trạng thực tế.

[3.2] Về yêu cầu buộc bố trí diện tích tái định cư phải là 100m<sup>2</sup>, nếu dưới 100m<sup>2</sup> thì bố trí hai nền: Xét thấy, tuy ông P bị thu hồi toàn bộ đất ở nhưng tại thời điểm đo đạc kiểm điểm khi thu hồi đất thì trên phần đất của ông P không có nhà ở. Do vậy, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định 2689/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 phê duyệt chính sách tái định cư cho ông P được mua đất ở mới tại khu tái định cư tập trung với diện tích 60m<sup>2</sup> là đúng với điểm c khoản 1 Điều 19 Quyết định số 15/2014/NĐ-CP ngày 13/11/2014 (bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 11/7/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ. Yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân quận B bố trí diện tích tái định cư 100m<sup>2</sup>, nếu dưới 100m<sup>2</sup> thì bố trí hai nền là không có cơ sở.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông P là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố Cần Thơ.

[6] Về án phí hành chính sơ thẩm: người khởi kiện được miễn nộp.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32; Điều 158, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Điểm e khoản 2 Điều 10, khoản 1 Điều 75 Luật đất đai năm 2013; điểm c khoản 1 Điều 19 Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 13/11/2014; khoản 7 Điều 1 Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 11/7/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu P về hành vi buộc Ủy ban nhân dân quận B phải ban hành quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường bổ sung đối với phần đất 1.900m<sup>2</sup>; bố trí diện tích tái định cư phải là 100m<sup>2</sup>, nếu dưới 100m<sup>2</sup> thì bố trí hai nền.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu P được miễn nộp.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND TPCT;
- Cục THADS TPCT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(ĐÃ KÝ)**

**Phạm Hoàng Dũng**